

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp

nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Thức

2. Ông Lê Đình Phát

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hà Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Lê Văn T1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2024, được bổ sung trong bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 29/4/2011 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2011. Sau khi kết hôn,

vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng hai năm, đến 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 không quan tâm vợ con, thường xuyên tụ tập rượu chè say xỉn rồi chửi bới, đánh đập, đe dọa chị. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Cuộc sống căng thẳng kéo dài làm cho chị mệt mỏi tinh thần và thể chất. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có tương lai, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn T1 có 02 con chung, là cháu Lê Văn T2, sinh ngày 02/5/2012 và Lê Tuấn V, sinh ngày 11/12/2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và đề nghị giao cháu T2 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 14/6/2024, được bổ sung trong biên bản hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Lê Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh công nhận việc anh và chị T kết hôn, thời gian và nơi đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2023 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh bị bệnh viêm gan B, sức khỏe giảm sút kèm theo tâm lý chán nản, không ổn định nên không quan tâm được vợ con, thì thoảng anh có đi uống rượu say rồi chửi bới vợ con. Sau khi sự việc xảy ra, anh đã biết lỗi và mong muốn chị T tha thứ để anh có cơ hội sửa sai. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh và chị Hà Thị T có 02 con chung là cháu Lê Văn T2, sinh ngày 02/5/2012 và cháu Lê Tuấn V, sinh ngày 11/12/2018. Trường hợp vợ chồng không thể đoàn tụ thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 và đề nghị giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Lê Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của đương sự về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Đại diện thôn T, xã T, huyện L cho biết, chị Hà Thị T và anh Lê Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L. Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên uống rượu say nên vợ chồng xảy ra cãi vã, chửi bới nhau. Chị T và anh T1 đã ly thân một thời gian nhưng anh T1 không thay đổi, tình cảm vợ chồng không được cải thiện nên chị T đã khởi kiện ly hôn anh T1.

Về con chung và điều kiện nuôi con: Chị T và anh T1 có 02 con chung là cháu T2 và cháu V, họ tên đầy đủ và ngày tháng năm sinh của các cháu thôn không biết rõ. Hiện nay, các cháu vẫn ở cùng chị T và anh T1 tại thôn T, xã T, huyện L.

Hiện nay, cả chị T và anh T1 đều không có việc làm và thu nhập, anh T1 lại thường xuyên uống rượu say, việc chăm lo cho các con ăn uống, sinh hoạt, học hành đều do chị T gánh vác và có sự giúp đỡ của ông bà nội.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn là chị Hà Thị T và bị đơn là anh Lê Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Hà Thị T, anh Lê Văn T1 và Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2011 ngày 29/4/2011 do UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Lê Văn T1 là hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, ý kiến của anh T1, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, chị T đều có nguyện vọng được ly hôn anh T1; anh T1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T và có nguyện vọng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Căn cứ lời trình bày của chị T, sự thừa nhận của anh T1 phù hợp với kết quả xác minh, đủ cơ sở kết luận: Giữa chị T và anh T1, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên uống rượu say, có hành vi chửi bới, đánh đập, đe dọa chị T. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình nội ngoại động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã có thời gian ly thân và chị T cho anh T1 cơ hội để sửa sai nhưng anh T1 không thay đổi. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T1 không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, quyết định cho chị T được ly hôn anh T1.

[5]. Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị T, anh T1 và bản sao Giấy khai sinh của cháu T2, cháu V, đủ cơ sở xác định: Các cháu Lê Văn T2, sinh ngày 02/5/2012 và Lê Tuấn V, sinh ngày 11/12/2018 là con chung của chị T và anh T1.

Xét đề nghị của chị T và anh T1 về việc giao nuôi con, thấy: Chị T và anh T1 thống nhất giao cháu V cho chị T, giao cháu T2 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu T2 cũng có nguyện vọng được ở với anh T1, nguyện vọng của chị T, anh T1 và cháu T2 là chính đáng và hợp pháp. Xét điều kiện nuôi con của chị T và anh T1 thấy: Hiện nay cả chị T và anh T1 đều không có việc làm và thu nhập ổn định, do đó giao cho chị T và anh T1 mỗi người nuôi một con là phù hợp. Do cháu V còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ, còn cháu T2 có nguyện vọng được ở với bố, nên giao cháu V cho chị T, giao cháu T2 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị T và anh T1 không có việc làm và thu nhập ổn định và mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con, chị T và anh T1 thống nhất không ai phải cấp dưỡng nuôi con, ý kiến của chị T và anh T1 là phù hợp nên chấp nhận. Giao cháu Lê Tuấn V cho chị T, giao cháu Lê Văn T2 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6]. Về tài sản: Chị Hà Thị T và anh Lê Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Hà Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn anh Lê Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Lê Tuấn V, sinh ngày 11/12/2018 cho chị T; giao cháu Lê Văn T2, sinh ngày 02/5/2012 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0006631 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn Hà Thị T và bị đơn Lê Văn T1. Chị T, anh T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Lưu hồ sơ.

Lê Viết Tám